

Số: 811/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi, thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Thực hiện Thông báo số 174-TB/TU ngày 22 tháng 12 năm 2025 ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định một số mức chi, thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi, thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 477/BC-BPC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi, thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi và thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và

đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Mức chi và thời gian được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử

1. Chi tổ chức hội nghị thực hiện theo Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Tổ bầu cử:

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	350.000	250.000
Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	150.000	120.000
Đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	80.000	60.000

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	210.000	150.000
Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	150.000	120.000
Đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000

4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Trưởng đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	210.000	150.000
b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	150.000	100.000
c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	100.000	70.000
d) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (trong đó có lái xe, bảo vệ)	Đồng/người/buổi	70.000	60.000
đ) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.400.000
e) Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	Đồng/báo cáo	2.500.000	1.800.000
g) Chinh lý, hoàn chỉnh báo cáo	Đồng/báo cáo	700.000	500.000
h) Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia (tối đa không quá 03 lần/văn bản)	Đồng/người/lần	300.000	200.000

5. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Ủy ban bầu cử các cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử ban hành (kế hoạch, thông tri, văn

bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử trong toàn tỉnh, các văn bản hướng dẫn cho một xã/phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng):

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu chỉnh lý)	Đồng/văn bản	2.100.000	1.500.000
Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo cáo Ủy ban bầu cử	Đồng/văn bản	3.200.000	2.200.000
Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia (tối đa không quá 03 lần/văn bản)	Đồng/người/lần	300.000	200.000

6. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Trưởng ban, Phó Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, thư ký Ban bầu cử; Trưởng các tiểu ban; Tổ trưởng Tổ giúp việc	Đồng/người/tháng	2.300.000	1.600.000
Ủy viên Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy viên của Ủy ban bầu cử, Ủy viên của Ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban; Phó Tổ trưởng Tổ giúp việc; Tổ trưởng Tổ bầu cử, thư ký Tổ bầu cử	Đồng/người/tháng	2.100.000	1.500.000
Ủy viên các tiểu ban; Thành viên Tổ giúp việc; Ủy viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có)	Đồng/người/tháng	1.900.000	1.300.000

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều nhiệm

vụ khác nhau (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp xã) thì chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử ngoài các đối tượng nêu tại điểm a khoản này (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
Đối tượng có thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	Đồng/người/ngày	140.000	90.000
Đối tượng có thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày: thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đồng/người/tháng	2.100.000	1.500.000

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 210.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử (thời gian hỗ trợ được tính từ thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm văn bản thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 05 tháng):

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Trưởng ban, Phó Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, thư ký Ban bầu cử; Trưởng các tiểu ban; Tổ trưởng Tổ giúp việc	Đồng/người/tháng	500.000	350.000

Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp xã
b) Ủy viên Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy viên của Ủy ban bầu cử, Ủy viên của Ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban; Phó Tổ trưởng Tổ giúp việc; Tổ trưởng Tổ bầu cử, thư ký Tổ bầu cử	Đồng/người/tháng	300.000	210.000
c) Ủy viên các tiểu ban; Thành viên Tổ giúp việc; Ủy viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có)	Đồng/người/tháng	210.000	150.000

8. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: thực hiện theo Nghị quyết số 792/2025/NQ-HĐND quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

9. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa không quá 350.000 đồng/hòm phiếu.

10. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 280.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

12. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

13. Chi in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo chế độ quy định hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

14. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Ủy ban bầu cử:

Sử dụng các trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ Ủy ban bầu cử các cấp để phục vụ cho công tác bầu cử.

Trường hợp có nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Ủy ban bầu cử các cấp, tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công hiện hành. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán mua sắm thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 757/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

15. Các nội dung chi khác:

Các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 361/2021/NQ-HĐND quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND quy định mức chi, thời gian hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{PT}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn